

Số: 62/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 5, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 325/2020/HNST ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa:

Ông Dương Kim C, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: 28 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 217/7A đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lâm Phụng T, sinh năm 1960; địa chỉ thường trú: 28 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 14/17 đường H, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Dương Kim C và bà Lâm Phụng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Dương Kim C và bà Lâm Phụng T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 023/F11, quyền 001/1986 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/1986 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Dương Kim C và bà Lâm Phụng T có 03 con chung là Dương Vĩnh H, sinh năm 1987, Dương Ngọc P, sinh năm 1990 và Dương Sở N, sinh năm 2000, tất cả đã trưởng thành.

2.3. Về tài sản chung: Ông Dương Kim C và bà Lâm Phụng T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông Dương Kim C và bà Lâm Phụng T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Ông Dương Kim C tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036170 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho ông C số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Thảo